

Bản án số: 389/2019/DS-ST
Ngày: 03 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Sáu và bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan- Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03/09/2019, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2019/TLST-DS, ngày 19/02/2019. Về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2019/QĐXXST - DS, ngày 17/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2019/QĐ-HPT, ngày 12/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam A.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 tòa nhà B, số 09 đường C, phường M, Quận Y, Tp HCM.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 48 đường A, phường B, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Văn bản ủy quyền số 551/UQTA-VH.19 ngày 15/01/2019.

Bị đơn: Ông Trần Chiêm Q, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú : Số 84/22 đường Đ, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 357/11 đường Đ, phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 15/01/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn – Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam A, bà huỳnh Thị Kim H trình bày:

Ngày 08/06/2015, ông Trần Chiếm Q có ký hợp đồng tín dụng số 20150612-500000-0059 với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam A (sau đây gọi tắt là Công ty) vay số tiền 42.200.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Trần Chiếm Q có trách nhiệm thanh toán số tiền 77.556.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.156.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.096.000 đồng. Bắt đầu từ ngày 16/07/2015. Thực hiện hợp đồng, ông Trần Chiếm Q đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng năm lần với tổng số tiền là 10.780.000 đồng. Kể từ ngày 26/01/2015 đến nay, ông Trần Chiếm Q không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Chiếm Q phải trả cho Công ty số tiền 66.776.000 đồng (Trong đó số tiền dư nợ gốc còn lại là: 39.109.223 đồng, số tiền nợ lãi còn lại là 27.666.777 đồng). Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Công ty không yêu cầu ông Q trả tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Chiếm Q chậm trả tiền thì Công ty yêu cầu ông Trần Chiếm Q trả tiền lãi theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự (không yêu cầu trả tiền lãi theo hợp đồng).

2. Tại bản tự khai ngày 19/03/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Ông Trần Chiếm Q trình bày:

Ngày 08/06/2015, ông Trần Chiếm Q có ký hợp đồng tín dụng số 20150612-500000-0059 với Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam A vay số tiền 42.200.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Mỗi tháng ông trả góp 2.156.000 đồng, ông đã trả được vài tháng và có làm đơn khiếu nại nhưng phía Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam A không trả lời, nên ông không trả từ đó cho đến nay.

Ông yêu cầu Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam A cung cấp toàn bộ hồ sơ vay và giấy tờ mà ông ký nhận tiền. Đồng thời ông yêu cầu Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam A giảm lãi và cho ông tiếp tục trả góp từng phần.

3. Tài liệu, chứng cứ đã thu thập được gồm có:

3.1. Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp:

Bản chính: Giấy ủy quyền ngày 15/01/2019.

Bản sao: Chứng minh nhân dân của bà Huỳnh Thị Kim H và bà Phạm Thị Mỹ H; Công văn số 1641 v/v xác nhận giải ngân cho khách hàng VPBFC; Danh sách các khách hàng của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đã nhận tiền giải ngân qua hệ thống Bưu điện Việt Nam; Đơn đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 08/06/2015; Chứng minh

nhân dân và hộ khẩu của ông Trần Chiếm Q; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên; Văn bản ủy quyền số 80/UQ-VH.18 ngày 13/06/2018; Điều lệ Công ty; Thông báo số 805/2019/VPB.19 ngày 08/4/2019; Công văn số 1641/BĐVN-TTĐS, ngày 23/4/2019.

3.2. Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp: Bản sao chứng minh nhân dân của ông Trần Chiếm Q.

3.3. Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Bản tường trình ngày 19/3/2019; .

4. Tại phiên tòa sơ thẩm;

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Bị đơn vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân Hàng Việt Nam A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân Hàng Việt Nam A khởi kiện yêu cầu ông Q trả nợ vay từ Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Ông Q cư trú tại số 84/22 đường Đ, Phường M, quận G, Tp HCM. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Trần Chiếm Q được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 08/06/2015, Ông Trần Chiếm Q có ký Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam A.

Sau khi Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Q là người trực tiếp nhận các văn bản tố tụng và đã nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, nhưng không nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) để phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân Hàng Việt Nam A. Điều đó thể hiện ông Trần Chiếm Q còn nợ Công ty số tiền 66.776.000 đồng (gồm tiền nợ gốc còn lại là: 39.109.223 đồng, số tiền lãi còn lại là 27.666.777 đồng). Vì vậy, Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân Hàng Việt Nam A yêu cầu ông Q trả một lần số tiền 66.776.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân Hàng Việt Nam A không yêu cầu ông Q trả tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với yêu cầu của Công ty buộc ông Q trả tiền lãi do chậm trả tiền theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng là 3.75%/tháng nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Q trả tiền lãi theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự là có lợi cho ông Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện.

Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể, ông Q có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 66.776.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm phải nộp là 5% giá trị tài sản có tranh chấp là 3.338.800 đồng.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010, hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam A.

Ông Trần Chiếm Q có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam A số tiền 66.776.000 (Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng trong đó gồm:

- Tiền nợ gốc: 39.109.223 đồng

- Tiền nợ lãi là 27.666.777 đồng

Tổng cộng: tiền 66.776.000 (Sáu mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam A được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 1.669.400 (Một triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000105, ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Ông Trần Chiếm Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.338.800 (Ba triệu ba trăm ba mươi tám ngàn tám trăm) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Trang